

Số: 26/2012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện
Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định ban hành Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2012. Các đề án xúc tiến đầu tư thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia năm 2012 được áp dụng quy định tại Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 17 tháng 7 năm 2007 về Quy chế xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia giai đoạn 2007 - 2010 cho đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Trưởng Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Quản lý các KKT, KCN, KCX, KCNC;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).Q. **365**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

QUY CHẾ

Xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2012/QĐ-TTg
ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia (sau đây gọi tắt là Chương trình).

2. Quy chế này áp dụng đối với:

a) Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao là đơn vị chủ trì tổ chức thực hiện đề án xúc tiến đầu tư thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì);

b) Các cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng là đơn vị tham gia thực hiện đề án xúc tiến đầu tư thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị tham gia).

Điều 2. Mục tiêu của Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

Mục tiêu của Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia là thúc đẩy, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, tạo sự gắn kết hợp lý, có hiệu quả các hoạt động xúc tiến đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài thuộc mọi lĩnh vực, thành phần kinh tế trong một chương trình tổng thể thống nhất; kết nối hoạt động xúc tiến đầu tư với xúc tiến thương mại, du lịch và lĩnh vực liên quan khác.

Điều 3. Nội dung của Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Tuyên truyền, quảng bá môi trường đầu tư của Việt Nam:

a) Thông tin, tuyên truyền về môi trường đầu tư, chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước về đầu tư trên phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước, xuất bản tài liệu hướng dẫn đầu tư, kinh doanh và các ấn phẩm liên quan;

b) Đặt hàng cơ quan truyền thông trong nước và nước ngoài viết bài, làm phóng sự trên báo chí, truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử; làm phim quảng bá môi trường đầu tư tại Việt Nam theo hợp đồng trọn gói;

c) Nâng cấp, duy trì hoạt động của trang thông tin điện tử giới thiệu về môi trường đầu tư của Việt Nam, kết nối trang thông tin điện tử này với các trang thông tin điện tử của Bộ, ngành, địa phương trong cả nước và với trang thông tin điện tử có uy tín trên thế giới;

d) Tổ chức hoặc tham gia triển lãm trong nước và ngoài nước nhằm giới thiệu môi trường đầu tư và kết quả đầu tư tại Việt Nam.

2. Xây dựng định hướng, chính sách và chiến lược xúc tiến đầu tư:

a) Xây dựng đề án đánh giá thực trạng các lĩnh vực, vùng, ngành kinh tế để làm cơ sở xây dựng và triển khai các đề án xúc tiến đầu tư;

b) Xây dựng Danh mục dự án trọng điểm quốc gia kêu gọi đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài phù hợp chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ, quy hoạch phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật; xây dựng tài liệu chi tiết dự án cho các dự án trọng điểm quốc gia;

c) Hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nghiên cứu, viết đề án để xúc tiến đầu tư theo đối tác chiến lược (quốc gia hoặc tập đoàn xuyên quốc gia).

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo và chương trình vận động xúc tiến đầu tư:

a) Tổ chức chương trình vận động xúc tiến đầu tư tại các địa bàn trọng điểm ở nước ngoài theo chủ đề, lĩnh vực để thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và xúc tiến đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài đối với một số lĩnh vực phù hợp;

b) Tổ chức hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư ở trong nước theo vùng, lĩnh vực, ngành nhằm thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế trọng điểm.

4. Tập huấn, đào tạo:

a) Tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực và kỹ năng xúc tiến đầu tư cho các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thu hút đầu tư và doanh nghiệp, kể cả việc mời chuyên gia, giảng viên nước ngoài vào giảng dạy;

b) Đào tạo cán bộ xúc tiến đầu tư thông qua việc tổ chức đoàn khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức xúc tiến đầu tư thành công trên thế giới.

5. Các hoạt động khác:

a) Hỗ trợ, cung cấp thông tin, xúc tiến, quảng bá việc triển khai các dự án có quy mô lớn, có ảnh hưởng quan trọng đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng, lĩnh vực kinh tế trọng điểm;

b) Thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ, gồm tổ chức các cuộc đối thoại chính sách, hoàn thiện khung pháp lý, giải quyết khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp đã đầu tư tại Việt Nam;

c) Tổ chức các trung tâm hỗ trợ nhà đầu tư của quốc gia có công nghệ nguồn, quốc gia có tiềm lực về vốn để có cơ chế hỗ trợ đặc thù cho nhà đầu tư của các quốc gia này.

6. Các hoạt động xúc tiến đầu tư khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Chương II

XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ QUỐC GIA

Điều 4. Xây dựng nội dung Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung định hướng hoạt động xúc tiến đầu tư trong từng thời kỳ dựa trên các yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, vùng, lĩnh vực, ngành kinh tế, trên cơ sở nội dung định hướng nêu tại Khoản 1 Điều này, các Bộ, ngành, địa phương, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư theo từng năm và dài hạn gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có đề xuất đề án xúc tiến đầu tư theo địa phương, vùng, lĩnh vực, ngành kinh tế trọng điểm.

3. Căn cứ nội dung định hướng xúc tiến đầu tư theo từng thời kỳ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn các đề án đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều này để tổng hợp thành Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm. Các đề án được lựa chọn có thể thực hiện trong một năm hoặc trong nhiều năm.

4. Đề án xúc tiến đầu tư được đưa vào Chương trình phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng thời kỳ; quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố, vùng kinh tế và quy hoạch, chiến lược phát triển ngành kinh tế - kỹ thuật đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Phù hợp với định hướng của Chính phủ về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam và định hướng đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài trong từng thời kỳ; phù hợp với chủ trương xã hội hóa nguồn vốn đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư vào các dự án phù hợp với định hướng phát triển chung;

c) Phù hợp với mục tiêu, nội dung quy định tại Điều 2 và 3 Quy chế này;

d) Có tính chất xúc tiến đầu tư vào ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế trọng điểm theo định hướng thu hút đầu tư từng giai đoạn; trong đó có đánh giá cụ thể về nhu cầu đầu tư, phân tích số liệu, các thông tin cần cập nhật và có giá trị thực tiễn cao;

đ) Có hiệu quả và khả thi về phương thức triển khai, thời gian, tiến độ và nguồn lực; không chồng chéo với các chương trình xúc tiến quốc gia khác;

e) Đơn vị chủ trì phải xây dựng nội dung và kinh phí cho từng năm đối với những đề án kéo dài qua hai năm tài chính.

5. Các nội dung về định hướng hoạt động xúc tiến đầu tư được Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi tới các Bộ, ngành, địa phương trước tháng 7 của năm trước năm kế hoạch; các nội dung về nhu cầu, kế hoạch xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương được gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước tháng 8 của năm trước năm kế hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành về quản lý hoạt động xúc tiến đầu tư, các quy định tại Quy chế này, sau khi đã tiếp thu ý kiến đóng góp của các Bộ, ngành, địa phương đối với các đề án thuộc Chương trình, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm.

Điều 6. Trình tự, thủ tục phê duyệt Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất kế hoạch xúc tiến đầu tư của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xây dựng dự thảo Chương trình và gửi các cơ quan liên quan để lấy ý kiến.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Chương trình, các cơ quan liên quan phải có ý kiến tham gia bằng văn bản, nêu rõ ý kiến về sự phù hợp của nội dung các đề án, sự chồng chéo của đề án xúc tiến đầu tư trong dự thảo Chương trình với đề án xúc tiến khác và những vấn đề liên quan khác.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, hoàn thiện và phê duyệt Chương trình. Trường hợp cần thiết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp với các cơ quan liên quan để thống nhất những nội dung còn ý kiến khác nhau trong dự thảo Chương trình. Trường hợp không thống nhất được, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định phê duyệt Chương trình và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi Chương trình được phê duyệt, Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ; đồng thời, thông báo bằng văn bản cho các cơ quan liên quan về nội dung của Chương trình đã được phê duyệt, trong đó quy định rõ mục tiêu, đơn vị chủ trì, tham gia thực hiện đề án; mức kinh phí được hỗ trợ; tiến độ thực hiện; địa điểm triển khai; cơ quan phối hợp và các yêu cầu cần thiết khác đối với từng đề án thuộc Chương trình.

Chương III

THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ QUỐC GIA

Điều 7. Triển khai thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi và tổng hợp việc thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

2. Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư từng năm và nhiều năm; rà soát để bảo đảm tránh chồng chéo trong việc tổ chức thực hiện các đề án thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia với các hoạt động thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành, địa phương mình; tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án xúc tiến đầu tư vào ngành, địa phương thuộc phạm vi quản lý.

3. Đơn vị chủ trì chủ động tổ chức triển khai thực hiện đề án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ được phê duyệt và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình.

4. Đối với đề án có nhiều đơn vị tham gia, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

5. Đơn vị tham gia có trách nhiệm thực hiện nội dung được phân công theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ quy định; báo cáo kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí thực hiện nội dung được phân công với đơn vị chủ trì.

6. Trường hợp đề án được thực hiện tại nước ngoài, đơn vị chủ trì phối hợp với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong việc tổ chức thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu và yêu cầu đặt ra.

Điều 8. Hoạt động xúc tiến đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo thẩm quyền xây dựng kế hoạch xúc tiến đầu tư kèm theo kinh phí phù hợp với quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và thực tế của địa phương; tham khảo chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm để xây dựng, điều chỉnh nội dung hoạt động xúc tiến đầu tư của mình cho phù hợp, bảo đảm không chồng chéo.

Nguồn kinh phí của hoạt động xúc tiến đầu tư của địa phương được thực hiện trực tiếp từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét phê duyệt đưa vào Chương trình các đề án xúc tiến đầu tư theo vùng kinh tế và quyết định địa phương được giao làm đầu mối tiếp nhận, quản lý kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho đề án xúc tiến đầu tư theo vùng đó.

Điều 9. Điều chỉnh và chấm dứt đề án xúc tiến đầu tư thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Trường hợp đơn vị chủ trì có yêu cầu điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt đề án thuộc Chương trình đã được phê duyệt, đơn vị chủ trì có văn bản đề nghị gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị chủ trì, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định việc điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt đề án đã được phê duyệt và thông báo bằng văn bản tới đơn vị chủ trì, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan về việc điều chỉnh đề án.

2. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án xúc tiến đầu tư trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó có thể đề nghị chấm dứt hoặc gia hạn thực hiện sang năm sau và giải trình nêu rõ lý do. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định phương án xử lý, có văn bản gửi Bộ Tài chính để kiến nghị xử lý về mặt thủ tục tài chính cho đề án.

3. Việc điều chỉnh, thay đổi nội dung đề án xúc tiến đầu tư thuộc Chương trình nêu tại Khoản 1 và 2 Điều này do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định trên cơ sở tổng kinh phí điều chỉnh của Chương trình không vượt tổng kinh phí được phê duyệt.

4. Trường hợp phát hiện đơn vị chủ trì có sai phạm trong việc thực hiện mục tiêu, nội dung, tiến độ của đề án, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, quyết định việc chấm dứt đề án và thông báo bằng văn bản tới đơn vị chủ trì và các cơ quan liên quan.

Điều 10. Báo cáo thực hiện đề án xúc tiến đầu tư

1. Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, đơn vị chủ trì gửi báo cáo đánh giá kết quả thu được và tác động của đề án so với mục tiêu, nội dung, yêu cầu xúc tiến đầu tư đề ra; nêu rõ tình hình giải ngân và các kiến nghị liên quan đến việc thực hiện đề án xúc tiến đầu tư đã được thông báo trong năm kế hoạch tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Đối với đề án hoàn thành sau ngày 15 tháng 11 hàng năm, đơn vị chủ trì gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư sau 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành đề án.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư không xem xét, đưa vào Chương trình xúc tiến đầu tư của năm tiếp theo đề án của đơn vị chủ trì không thực hiện đầy đủ quy định về chế độ báo cáo của năm trước năm kế hoạch.

3. Trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia của năm trước; nêu cụ thể các trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện quy định về chế độ báo cáo, đồng gửi Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan.

Điều 11. Kinh phí thực hiện Chương trình và quản lý kinh phí xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Kinh phí thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia được bố trí từ ngân sách nhà nước, các khoản thu và nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia theo quy định hiện hành.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt danh mục và kế hoạch kinh phí thực hiện từng đề án thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, đảm bảo tổng mức kinh phí không vượt quá mức kinh phí đã được phê duyệt.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với các nội dung xúc tiến đầu tư quy định tại Điều 3 Quy chế này trên nguyên tắc:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí áp dụng cho nội dung quy định tại Khoản 1 và 2, Điểm a Khoản 3, Khoản 4, Điểm a và b Khoản 5 Điều 3 Quy chế này;

b) Hỗ trợ tối đa 70% đối với nội dung quy định tại Điểm b Khoản 3, Điểm c Khoản 5 Điều 3 Quy chế này;

c) Hỗ trợ 70% kinh phí đối với các đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia nội dung quy định tại Điểm d Khoản 1, Điểm b Khoản 3, Điểm a Khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

4. Kinh phí xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm do ngân sách nhà nước cấp chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được bổ sung để sử dụng trong năm tiếp theo.

5. Đơn vị chủ trì thực hiện đề án chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí được cấp, đảm bảo tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung các khoản thu, chi theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

6. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm quyết toán toàn bộ các khoản thu, chi của đề án theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 12. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia; bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật.

2. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến đề án do mình chủ trì và tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát chương trình.

Điều 13. Xử lý vi phạm

Tổ chức và cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ, bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế này.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, ngoài nhiệm vụ thực hiện Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia quy định tại Quy chế này, được tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư khác không thuộc Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và nhu cầu của Bộ, ngành, địa phương.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế./.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn